

Số: 86/2024/QĐST-HNGĐ

Tiền Du, ngày 30 tháng 05 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU, TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Công P**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: **Xóm A, thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: **Xóm G, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 05 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 05 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Bùi Công P** và chị **Nguyễn Thị B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Công P** và chị **Nguyễn Thị B** thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2003 đăng ký ngày 06/03/2003 tại **Ủy ban nhân dân xã T T, tỉnh Bắc Ninh**).

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu **Bùi Thị H** sinh ngày 14/12/2003 và cháu **Bùi Công H1** sinh ngày 29/03/2008. Sau khi ly hôn, cháu lớn là cháu **Bùi Thị H** đã đủ 18 tuổi tự cháu quyết định cuộc sống; anh **P** trực tiếp nuôi cháu nhỏ là cháu **Bùi Công H1**. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không đề cập giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **P** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu số BLTU/23/0001402 ngày 10 tháng 05 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả anh **P** 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du;
- UBND xã Tri Phương, huyện Tiên Du
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Trần Văn Quang